UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ M'DRẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2557 /QĐ-UBND	*M'Drắk, ngày 09 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án: Hạ tầng kỹ thuật bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 08/12/2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số Nghị định số 209/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp Luật Xây dựng về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số Thông tư số 32/2026/TT-BXD ngày 22/6/2026 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số Thông tư số 33/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với các công trình thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc hướng phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định về quyết toán vốn đầu dự án;

Căn cứ Công văn số 447/SXD-KTVLXD ngày 04/6/2026 của Sở Xây dựng về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Scanned with CamScanner

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-SXD ngày 03/7/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc công bố giá nhân công xây dựng chuyển đổi theo quy định tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 050/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của UBND xã M'Drắk v/v ủy quyền thực hiện dự án đầu tư do UBND xã M'Drắk làm chủ đầu tư;

Căn cứ Thông báo số 68a/TB-PKT ngày 08/11/2026 của phòng Kinh tế xã M'Drắk V/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật công trình: Hạ tầng kỹ thuật bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 08/12/2023;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 366a/TTr-PKT ngày 08/11/2026 của Phòng Kinh tế xã M'Drắk Về việc Đề nghị phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 08/12/2023;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Hạ tầng kỹ thuật bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 08/12/2023, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 08/12/2023.

2. Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng): Chưa thực hiện.

3. Địa điểm xây dựng: Xã M'Drắk, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã M'Drắk.

5. Chủ đầu tư: Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã M'Drắk.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Xuân Mai.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Loại, nhóm dự án: Dự án nhóm C.
- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ Công trình giao thông: hệ thống đường giao thông nội bộ (đường đô thị);

+ Công trình hạ tầng kỹ thuật: San nền; hệ thống thoát nước mưa;

+ Công trình công nghiệp: hệ thống cấp điện hạ thế (0,4kva).

- Cấp công trình: Cấp III (Điều 2 và Điều 3 Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25/06/2026 của Bộ Xây dựng) bao gồm:

+ Hạng mục: San nền: Cấp IV;

+ Hạng mục: Hệ thống giao thông: Cấp IV;

+ Hạng mục: Hệ thống thoát nước mưa: Cấp III;

+ Hạng mục: Hệ thống điện (hạ áp) và các hạng mục khác: Cấp IV.

8. Mục tiêu Công trình:

+ Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, tạo điều kiện bố trí đất ở, đất sản xuất, ổn định đời sống và phát triển sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã M'Drắk, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu thực tế của địa phương; nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, học tập và cung cấp các dịch vụ công phục vụ nhân dân.

+ Đồng thời, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước, bảo đảm các công trình được đầu tư đồng bộ, đúng mục tiêu, đúng quy hoạch, tiết kiệm và phát huy hiệu quả lâu dài; góp phần cải thiện điều kiện dân sinh, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân và thúc đẩy phát triển bền vững trên địa bàn xã.

9. Quy mô công trình, cấp hạng kỹ thuật, giải pháp thiết kế công trình:

- Vị trí xây dựng: Thôn 1, xã M'Drắk, tỉnh Đắk Lắk.

9.1 San nền:

a. Quy mô

San nền các lô đất: DO-01 (7.399,39m2); DO-02 (5.290,41m2); DO-03 (4.930,53m2); DO-04 (7.799,01m2). Tổng diện tích san nền: 25.419,34m2, tổng khối lượng đào: 10.381,98m3, tổng khối lượng đắp: 5.333,95m3, trong đó bóc hữu cơ dày 20cm (Khối lượng nạo vét hữu cơ: 1.639,16m3).

b. Cấp và loại công trình:

- Loại công trình : Hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình : Cấp IV.

c. Giải pháp thiết kế:

- Quan điểm san nền: Tiến hành san lấp toàn mặt bằng xây dựng và lu lèn đến độ chặt yêu cầu nhằm đồng nhất đồng nhất độ chặt và cao độ khu vực sau đó mới xây dựng các công trình hạ tầng khác. Lựa chọn cao độ hoàn thiện theo quy hoạch chi tiết và hạn chế tối đa khối lượng san đắp nền, đảm bảo độ dốc san nền tự chảy δ=0,002.

- Cao độ san nền bám sát cao độ thiết kế vỉa hè.

- Trên cơ sở nghiên cứu tình hình thực tế trong khu vực, và quy hoạch chi tiết 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiến hành thiết kế san nền đến độ cao thiết kế, dốc mái taluy nền đắp m = 1:1,5 nền đất đào m =1:1.

- Với phương án thiết kế này đảm bảo tần suất lũ thiết kế yêu cầu và độ dốc thoát nước thuận lợi.

- Đất đắp được san và đầm chặt từng lớp dày 20cm và đầm nén đạt độ chặt K=0,80.

9.2 Hệ thống giao thông:

a. Quy mô: Công trình tổng chiều dài 07 trục: L =1.247,48m.

- Trục 01: Mở rộng 0,7m bên phải trục đường bê tông xi măng hiện hữu, có chiều dài tuyến: L = 274,89m. Với vị trí điểm đầu và điểm cuối tuyến như sau:

+ Điểm đầu tuyến Km0+0,00: Tại nút giao với đường số 8 (đã thi công).

+ Điểm cuối tuyến Km0+274,89: Tại nút giao với đường số 4 (theo quy hoạch 1/500).

- Trục 02: Đường BTXM xây dựng mới, có chiều dài tuyến: L = 262,11m. Với vị trí điểm đầu và điểm cuối tuyến như sau:

+ Điểm đầu tuyến Km0+00.00: Tại nút giao với đường số 8 (đã thi công).

+ Điểm cuối tuyến Km0+262,11: Tại nút giao với đường số 4 (theo quy hoạch 1/500).

- Trục 03: Đường BTXM xây dựng mới, có chiều dài tuyến: L = 251,11m. Với vị trí điểm đầu và điểm cuối tuyến như sau:

+ Điểm đầu tuyến Km0+0,00: Tại nút giao với đường số 8 (đã thi công).

+ Điểm cuối tuyến Km0+251,11: Tại nút giao với đường số 4 (theo quy hoạch 1/500).

- Trục 04: Đường BTXM xây dựng mới, có chiều dài tuyến: L = 176,12m. Với vị trí điểm đầu và điểm cuối tuyến như sau:

+ Điểm đầu tuyến Km0+0,00: Tại nút giao với đường số 1 (đường bê tông hiện hữu).

+ Điểm cuối tuyến Km0+176,12: Tại nút giao với đường số 3 (theo quy hoạch 1/500).

- Trục 05: Đường BTXM xây dựng mới, có chiều dài tuyến: L = 110,24m. Với vị trí điểm đầu và điểm cuối tuyến như sau:

+ Điểm đầu tuyến Km0+0,00: Tại nút giao với đường số 2 (theo quy hoạch 1/500).

+ Điểm cuối tuyến Km0+110,24: Tại nút giao với đường số 3 (theo quy hoạch 1/500).

- Trục 06: Đường BTXM xây dựng mới, có chiều dài tuyến: L = 62,76m. Với vị trí điểm đầu và điểm cuối tuyến như sau:

+ Điểm đầu tuyến Km0+0,00: Tại nút giao với đường số 1 (đường bê tông hiện hữu).

+ Điểm cuối tuyến Km0+62,76: Tại nút giao với đường số 2 (theo quy hoạch 1/500).

- Trục 07: Đường BTXM xây dựng mới, có chiều dài tuyến: L = 110,25m. Với vị trí điểm đầu và điểm cuối tuyến như sau:

+ Điểm đầu tuyến Km0+0,00: Tại nút giao với đường số 2 (theo quy hoạch 1/500).

+ Điểm cuối tuyến Km0+110,25: Tại nút giao với đường số 3 (theo quy hoạch 1/500).

b. Cấp và loại công trình:

+ Loại công trình : Đường giao thông nội bộ.
+ Cấp công trình : Cấp IV, dự án nhóm C
+ Cấp thiết kế đường : Đường phố nội bộ.
+ Vận tốc thiết kế : Vtk = 30 Km/h.
+ Bề rộng nền đường : Bn = 10,00m-16,00m
+ Bề rộng mặt đường : Bm = 6,00m-9,00m
+ Bề rộng vỉa hè : Bvh = 2,00m-3,50m* 2bên

c. Giải pháp thiết kế:

- Nền đường, mặt đường:

+ Bề rộng nền đường

* Trục số 1: Phần mặt đường BTXM cũ giữ nguyên 3,5m, mở rộng bên phải tuyến TB 70cm.

- Bề rộng phạm vi nền mở rộng : Bnr = 2,70m

* Trục số 2, 3, 4,5, 7 : Bn = 10,00m

* Trục số 6 : Bn = 16,00m

+ Bề rộng mặt đường

* Trục số 1: Phần mặt đường BTXM cũ giữ nguyên 3,5m, mở rộng bên phải tuyến TB 70cm.

- Bề rộng phạm vi mặt đường mở rộng: : Bmr = 0,70m

* Trục số 2, 3, 4,5, 7 : Bm = 6,00m

* Trục số 6 : Bm = 9,00m

+ Bề rộng vỉa hè

* Trục số 1 : Bvh = 2m*1bên

* Trục số 2, 3, 4,5, 7 : Bvh = 2m* 2bên

* Trục số 6 : Bvh = 3,5m* 2bên

- Nền đường đào đắp xử lý đạt độ chặt Kyc>=0,95.

Kết cấu áo đường như sau:

+ Kết cấu mặt đường BTXM từ trên xuống:

+ Mặt đường BTXM đá 1*2 M250 dày h=16cm.

+ Lớp giấy dầu

+ Móng CPĐD loại 2 (Dmax=37.50mm) dày 12cm. Kyc>0.98

+ Nền đường lu lèn đạt độ chặt Kyc>0.95

- Độ dốc ngang mặt đường i= 2%.

- Vỉa hè:

- Chiều rộng 2,00m x 1bên = 2m; 2,00m x 2bên = 4m; 3,50m x 2bên = 7m;

- Lề đắp đất cấp 3, Kyc > 0,95;

- Độ dốc ngang lề i = 2%.

- Hệ thống an toàn giao thông: Theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

9.3 Hệ thống thoát nước:

a. Quy mô:

- Hệ thống thoát nước mưa: Xây dựng mới tuyến cống thoát nước mưa bằng cống BTCT, tải trọng HL93, đường kính D600-800; có tổng chiều dài tuyến cống là: L= 1.003,00m; trong đó:

- Cống ngang D600 tải trọng HL93: dài 95m

- Cống dọc D600 tải trọng HL93: dài 386m

- Cống dọc D800 tải trọng HL93: dài 522m

- Xây dựng mới cửa xả cuối tuyến, các lớp kết cấu cửa xả gồm:

+ Đá dăm cát đệm dày 10cm

+ Bê tông đá 2x4 M200 tường cánh, thân cống cửa xả

+ Bê tông đá 2x4 M200 móng cửa xả, chân khay, hố thu

- Hệ thống thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải của khu vực quy hoạch chưa được hình thành nên hệ thống thoát nước thải trong giai đoạn này chưa được đầu tư.

- Phương án thoát nước thải cho khu vực là nước thải sinh hoạt của các nhà ở và các công trình trong khu dự án được xử lý cục bộ qua các bể tự hoại và giếng thấm.

- Đặt các đường ống chờ đấu nối khi khi dự án đầu tư hệ thống thoát nước thải.

b. Cấp và loại công trình:

- Loại công trình : Hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình : Cấp III.

c. Giải pháp thiết kế:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, thu gom và thoát nước riêng biệt, đảm bảo thoát nước nhanh chóng, đồng bộ với hệ thống giao thông và cao độ san nền của khu quy hoạch. Nước mưa trên mặt đường, vỉa hè và các khu vực xây dựng được thu gom thông qua các cửa thu nước, hố ga bố trí dọc theo các tuyến đường, sau đó dẫn về hệ thống cống thoát nước mưa chính.

- Sử dụng cống bê tông cốt thép đặt ngầm, đường kính được tính toán lựa chọn phù hợp với lưu lượng thoát nước của từng lưu vực. Hệ thống cống được bố trí theo hướng thoát nước quy hoạch, đảm bảo cao độ đáy cống, độ dốc thủy lực và khả năng tự chảy. Các hố ga kiểm tra, hố ga thu nước được bố trí tại các vị trí phù hợp, thuận tiện cho công tác vận hành, kiểm tra và duy tu bảo dưỡng.

- Nước mưa sau khi thu gom được dẫn thoát về vị trí tiếp nhận được xác định trên bản vẽ bình đồ thoát nước và định hướng quy hoạch chi tiết 1/500. Giải pháp thiết kế đảm bảo tính đồng bộ, an toàn, hạn chế ngập úng cục bộ, chống xói lở và đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng lâu dài.

- Kết cấu hệ thống thoát nước mưa được thiết kế như sau:

+ Giếng thăm, giếng thu: Móng, thân giếng bằng bê tông đá 1x2 mác 250; đáy móng đệm đá dăm cát đệm dày 10cm

+ Cống dọc bê tông ly tâm D600 - D800 tải trọng HL93

+ Cống ngang bê tông ly tâm D600 tải trọng HL93

+ Lưới chắn rác gia công bằng thép mạ kẽm.

9.4 Hệ thống cấp điện:

a. Quy mô:

- Xây dựng mới đường dây cấp điện hạ áp 0,4kv với tổng chiều dài tuyến: 1.290m.

+ Cấp điện áp: 0,4kV;

+ Kết cấu lưới: 3 pha 4 dây đi trên không

+ Điện áp tần số công nghiệp: 50Hz

+ Dây dẫn: Sử dụng cáp vặn xoắn XLPE/AL loại, LV/ABC.4x95mm2;

+ Xà - giá: Thép CT3 mạ kẽm nhúng nóng (chiều dày tối thiểu 80mm);

+ Cột: Cột bê tông ly tâm 10m loại DUL; ký hiệu: BTLT PC.I10-190-3,5; BTLT PC.I10-190-4,3

+ Móng: móng bê tông cốt thép M.200 đá 1x2 được đúc sẵn hoặc đúc trực tiếp tại chỗ .

+ Phụ kiện: Dùng các móc treo MTC, móc hãm MH ... kích cỡ phù hợp với

chủng loại dây.

+ Cốt thép dùng loại CI có Ra=2000kg/cm2 và CII có Ra=2600kg/cm2 theo tiêu chuẩn Việt nam TCVN 1651- 2018.

+ Tiếp địa: Cọc tia hỗn hợp có ký hiệu LR.

b. Cấp và loại công trình:

+ Loại công trình : Công trình công nghiệp.

+ Cấp công trình : Cấp IV.

c. Giải pháp thiết kế: Xây dựng mới tuyến đường dây điện hạ áp 0,4kV có tổng chiều dài 1.290m, đấu nối trực tiếp từ Aptômát lộ nhánh đặt tại trạm biến áp T231-250kVA hiện có để cấp điện phục vụ nhu cầu sử dụng điện của khu vực dự án. Tuyến đường dây được thiết kế theo kết cấu lưới điện 3 pha 4 dây đi trên không, sử dụng cáp vặn xoắn ruột nhôm bọc cách điện XLPE, tiết diện ABC 4x95mm². Hệ thống cột sử dụng cột bê tông ly tâm dự ứng lực dài 10m, móng cột bằng bê tông M200, bố trí phù hợp với từng vị trí cột đỡ, cột néo và cột rẽ nhánh. Sử dụng hệ thống phụ kiện chuyên dụng đồng bộ cho đường dây cáp vặn xoắn, kết hợp hệ thống nối đất lặp lại, nối đất chống sét và nối đất trung tính, đảm bảo điện trở nối đất $R \leq 30\Omega$. Toàn bộ giải pháp thiết kế nhằm đảm bảo khả năng truyền tải điện, an toàn vận hành, độ bền công trình và đáp ứng nhu cầu cấp điện ổn định cho khu vực dự án.

10. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng.

- QCVN 01:2026/BXD: Quy chuẩn về quy hoạch đô thị và nông thôn, ban hành theo Thông tư 46/2026/TT-BXD ngày 30/06/2026;

- QCVN 02:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BXD;

- QCVN 03:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp công trình ;phục vụ thiết kế xây dựng ban hành kèm theo Thông tư 05/2022/TT-BXD;

- QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình ban hành kèm theo Thông tư 06/2022/TT-BXD. Được sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Ban hành kèm theo Thông tư 09/2023/TT-BXD;

- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật do Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Thông tư 15/2023/TT-BXD, có hiệu lực từ ngày 01/07/2024 (được sửa đổi bổ sung một phần bởi Sửa đổi 1:2025/BXD từ tháng 01/2026);

- QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng ban hành kèm theo Thông tư 16/2021/TT-BXD;

- QCVN 25:2025/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện;

- Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-BCT ngày 13/3/2026 của Bộ Công thương ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện;

- Đường Ôtô, tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4054 – 2005;

- Đường đô thị – yêu cầu thiết kế TCVN 13592:2022;

- TCXDVN 33-2006: Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – TC thiết kế;

Scanned with CamScanner

- Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

- TCVN 3890:2023: Phòng cháy chữa cháy-phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-trang bị, bố trí;

- TCVN 9358:2012 Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp - Yêu cầu chung;

- TCVN 7571-1:2019 Thép hình cán nóng Phần 1: Thép góc cạnh đều;

- TCVN 5408-2007 Lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép;

- TCVN 5847:2016 Tiêu chuẩn quốc gia cột điện bê tông cốt thép ly tâm;

- Quyết định số 178/QĐ-HĐTV ngày 14/3/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Trung Về việc ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật vật tư thiết bị lưới điện 0,4-110kV áp dụng trong Tổng công ty Điện lực miền Trung;

- Các quy trình, quy phạm kỹ thuật trong công tác xây dựng cơ bản;

- Tuân thủ các quy chuẩn xây dựng và tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành;

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Tổng mức đầu tư xây dựng: **10.000.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười tỷ đồng chẵn).*

Phân theo cơ cấu như sau:

ĐVT: Đồng

I	**Chi phí xây dựng**	**8.755.683.000**
II	**Chi phí quản lý dự án**	**240.127.000**
III	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**748.425.000**
1	Chi phí khảo sát	121.217.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	3.637.000
3	Chi phí lập Báo cáo KTKT	280.207.000
4	Chi phí thẩm tra thiết kế	19.905.000
5	Chi phí thẩm tra dự toán	19.366.000
6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu thi công xây dựng	32.935.000
7	Chi phí thẩm định HSMT gói thầu thi công xây dựng	8.572.000
8	Chi phí thẩm định KQLCNT gói thầu thi công xây dựng	8.572.000
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng	254.014.000
IV	**Chi phí khác**	**180.523.000**
1	Chi phí thẩm định Báo cáo KTKT	950.000
2	Chi phí cắm cọc, phân lô	90.520.000

Scanned with CamScanner

3	Chi phí tư vấn kiểm toán	69.578.000
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	19.475.000
V	**Chi phí dự phòng**	**75.242.000**

** **Ghi chú:** Chi phí trên đã bao gồm thuế GTGT 8%, khi thanh quyết toán đề nghị chủ đầu tư tiến hành quyết toán theo quy định.*

12. Thời gian thực hiện: Năm 2026.

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

15. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không.

16. Các nội dung khác (nếu có): Không.

Điều 2: Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này, quản lý đầu tư xây dựng và thanh quyết toán công trình hoàn thành theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế xã, Giám đốc Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp – Môi trường;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Công an tỉnh;
- TT, HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VP, PKT.

(B/c);

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Thảo

Scanned with CamScanner